

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-STC  
V/v báo cáo kết quả thực hiện  
công tác cải cách hành chính  
6 tháng đầu năm 2022

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch và báo cáo CCHC định kỳ, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

Xác định công tác cải cách hành chính (CCHC) là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong các hoạt động của Sở. Ngay từ đầu năm, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 4868/KH-STC ngày 28/12/2021 về thực hiện công tác CCHC năm 2022. Kế hoạch bám sát các nhiệm vụ trọng tâm CCHC của tỉnh tại Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về ban hành kế hoạch thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2022.

Để hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại kế hoạch, Sở Tài chính đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến công tác CCHC với nhiều hình thức theo Kế hoạch số 355/KH-STC ngày 28/01/2021 về tuyên truyền CCHC năm 2022 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đồng thời đăng ký 01 chuyên mục tuyên truyền CCHC năm 2022 trên báo Quảng Bình với nội dung: “Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2021-2025 của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”.

Sau khi có Quyết định công bố Chỉ số CCHC (Par Index) của sở, ban, ngành năm 2021, Sở đã nghiên cứu kết quả, điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần để rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp khắc phục các tiêu chí bị mất điểm nhằm cải thiện kết quả chỉ số CCHC trong năm 2022.

Thực hiện Kế hoạch Kiểm tra công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2022, Sở đã cử đại diện cán bộ tham gia thành viên Đoàn kiểm tra công tác CCHC. Tại cơ quan, để kiểm tra việc thực hiện các nội dung của công tác CCHC, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-STC ngày 15/01/2022 về kiểm tra CCHC năm 2022. Theo đó, việc kiểm tra sẽ thực hiện trong Quý III, Quý IV năm 2022.

Kế hoạch CCHC năm 2022 của Sở được ban hành kèm theo Kế hoạch số 4868/KH-STC ngày 28/12/2021, đề ra 28 nhiệm vụ cụ thể triển khai trên 07 lĩnh vực CCHC, đến nay đã hoàn thành 16/28 nhiệm vụ.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **a) Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL:**

6 tháng đầu năm 2022, Sở đã tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành 11 văn bản QPPL (06 Nghị quyết, 05 Quyết định).

Theo Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2022, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu ban hành 03 văn bản QPPL hoàn thành trong Quý I,II/2022, đến thời điểm hiện tại, Sở đã trình UBND tỉnh ban hành 01/03 văn bản QPPL, 02 văn bản QPPL còn lại đang trình, chờ UBND tỉnh ban hành.

Sở thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL trước và sau khi ban hành văn bản QPPL. Công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL được Sở thực hiện đúng quy trình, quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý; đúng thẩm quyền; nội dung của các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

#### **b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Nhằm đảm bảo cho pháp luật được thi hành nghiêm minh, thống nhất, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong việc thi hành pháp luật và kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, ngay từ đầu năm Sở Tài chính đã xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Kế hoạch số 369/KH-STC ngày 28/01/2022.

Cấp ủy Đảng, Ban Giám đốc Sở luôn quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở Tư pháp kịp thời phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bằng nhiều hình thức. Qua đó, ý thức chấp hành pháp luật của công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan được nâng lên.

#### **c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật**

Nhằm phổ biến các nội dung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật. Hàng tháng, Sở Tài chính đều ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện: Công văn số 1234/CV-VP ngày 15/4/2021; Công văn số 44/CV-VP ngày 07/01/2022; Công văn số 370/CV-VP ngày ngày 28/01/2022; Công văn số 683/CV-VP ngày 02/3/2022; Công văn số 1108/CV-VP ngày 07/4/2022; Công văn số 1448/CV-VP ngày 05/5/2022; Công văn số 1839/CV-VP ngày 02/6/2022 về thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tổ chức các Hội nghị học tập, quán triệt triển khai thực hiện đầy đủ các

Nghị Quyết của Trung ương, của tỉnh và của Đảng ủy cấp trên cho toàn thể cán bộ công tác, viên chức, người lao động. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực của Ngành cho đối tượng là đại biểu HĐND cấp huyện và cấp xã và cán bộ ngành tài chính.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật luôn được Sở triển khai đồng bộ, thường xuyên thông qua các kỳ sinh hoạt, họp, hội nghị giao ban hàng tháng của Đảng ủy, chi bộ; chính quyền và các đoàn thể của Sở như: công đoàn, chi đoàn thanh niên thường xuyên kết hợp tổ chức học tập, họp chuyên môn, trao đổi thông tin giữa các phòng, ban, đơn vị. Tổ chức treo cờ, khẩu hiệu tuyên truyền; tổ chức và tham gia đầy đủ các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh. Qua đó tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cho mọi người dân.

#### d) Kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Sở đã ban hành Kế hoạch số 136/KH-STC ngày 17/01/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, Sở đang tiến hành rà soát tham mưu xử lý 04 văn bản QPPL trên cơ sở kết quả rà soát văn bản QPPL trong năm 2020, 2021 trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.

Việc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành: Sở Tài chính nghiêm túc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

### a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Sở đã chỉ đạo bộ phận một cửa, các phòng, đơn vị tiếp tục thực hiện rút ngắn tối thiểu 10% thời gian giải quyết TTHC so với thời hạn pháp luật quy định nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện giải quyết TTHC.

### b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

Trong 06 tháng đầu năm 2022, Sở Tài chính không ban hành mới, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi các TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở.

Căn cứ các Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài chính, Sở đã chỉ đạo các phòng tiếp tục rà soát các TTHC liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giải quyết của phòng, tham mưu công bố ban hành mới Danh mục các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính ở cả 3 cấp chính quyền (công văn số 1843/STC-VP, ngày 03/6/2022).

Hiện nay, Sở Tài chính có tổng số 43 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (cấp tỉnh là 24 thủ tục; cấp huyện là 19 thủ tục) được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và đã được tích hợp thành công trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh/Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Sở tiếp tục duy trì việc công khai các TTHC tại bộ phận một cửa của cơ quan.

Việc niêm yết các TTHC được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC... tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân tìm hiểu, thực hiện thủ tục nhanh chóng

Việc công khai địa chỉ, số điện thoại, hộp thư và kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại cơ quan thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

c) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, tất cả các TTHC đều được cấu hình lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Tất cả các hồ sơ TTHC giải quyết đều được cập nhật lên Hệ thống theo quy trình xây dựng.

Tính đến nay, tổng số TTHC của Sở được thực hiện liên thông là 17 thủ tục. Trong đó:

- + Số TTHC được thực hiện liên thông cùng cấp là 17 thủ tục.
- + Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 0 thủ tục.
- + Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính (*bao gồm cả hình thức dịch vụ công trực tuyến*) là 13 thủ tục.

Trong 6 tháng đầu năm, theo kết quả tổng hợp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tỷ lệ hồ sơ TTHC của Sở được giải quyết đúng hạn là 100%; không có hồ sơ nào quá hạn giải quyết. Không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, phản ánh kiến nghị về công tác CCHC, quy định TTHC.

Để tiếp tục phát huy hiệu quả của Chức năng đánh giá giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh. Hàng quý, Sở thực hiện nghiêm túc việc thu thập Phiếu khảo sát và cập nhật lên Chức năng đánh giá giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Sở Tài chính đã xây dựng Đề án hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Sở,

từ 07 phòng, đơn vị thuộc Sở còn 06 phòng, đơn vị thuộc Sở. Giảm 01 đầu mối trên cơ sở hợp nhất 02 tổ chức hành chính (Phòng Quản lý giá và công sản và Phòng Tài chính doanh nghiệp). Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 về việc tổ chức lại các tổ chức hành chính thuộc Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện; Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh. Theo đó, ngày 04/5/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính Quảng Bình.

Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Trung tâm đã tiến hành xây dựng Đề án “*Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công*” trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, Trung tâm sẽ sắp xếp lại với cơ cấu tổ chức gồm Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ là: Phòng Tổng hợp và Phòng Hỗ trợ Kỹ thuật. Hiện nay, Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về thành lập, tổ chức lại các phòng thuộc Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính Quảng Bình, Sở Tài chính đã xây dựng trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ. Ngày 07/6/2022, UBND tỉnh đã có Quyết định số 1490/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính.

#### b) Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng tại nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII, Sở Tài chính luôn tích cực tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về lộ trình tinh giản biên chế và chính sách tinh giản biên chế đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để mọi cán bộ được hiểu rõ, thông suốt và đồng lòng thực hiện.

Thực hiện công văn số 236/SNV-XDCQ&TCBC ngày 14/2/2022 của Sở Nội vụ về thực hiện chủ trương giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN giai đoạn 2022–2025, Sở Tài chính đã xây dựng Đề án giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách giai đoạn 2022 -2025 của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công) báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định tại Công văn số 822/CV-

STC ngày 15/3/2022. Theo Đề án được xây dựng, đến năm 2025, Trung tâm sẽ giảm được 10% viên chức hưởng lương từ ngân sách so với năm 2021 (2 người), với lộ trình giảm 01 người năm 2022 và 01 người vào năm 2025.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Sở tiếp tục duy trì thực hiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức trong cơ quan đã được Sở Nội vụ thẩm định. Hiện tại, Sở tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi Đề án vị trí việc làm căn cứ theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính.

b) Tuyển dụng công chức, viên chức

Theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả thi tuyển, kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Quảng Bình năm 2021. Có 01 thí sinh dự thi và trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức năm 2021 vào làm việc tại Sở Tài chính.

c) Điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, trong 06 tháng đầu năm, Sở đã hoàn thiện các quy trình, thủ tục hồ sơ cán bộ để UBND tỉnh điều động, bổ nhiệm 01 cán bộ của Sở đến làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng; bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng Sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Quản lý giá, công sản và Tài chính doanh nghiệp; điều động, bổ nhiệm 02 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm lại 01 Phó phòng; điều động 02 công chức; tiếp nhận 02 công chức từ Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND huyện Bố Trạch đến làm việc, bố trí tại Văn phòng Sở.

d) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

Sở tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, xiết chặt kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh; Chỉ thị số 01/2008/CT-UBND ngày 17/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao trách nhiệm và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh

Sở Tài chính đã ban hành công văn số 741/CV-STC ngày 07/3/2022 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng văn hóa công sở; tăng cường phòng, chống dịch covid-19; phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và thực hiện các quy định về bảo vệ BMNN.

#### **5. Cải cách tài chính công**

Sở chấp hành và thực hiện đúng quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công và Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước, không có phát sinh sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Công tác mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

Hiện nay, Trung tâm Tin học và Dịch vụ Tài chính công thuộc Sở vẫn đang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo hướng tăng dần mức độ tự chủ, chưa đủ điều kiện để chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Thực hiện Quyết định số 4283/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công thuộc cấp tỉnh quản lý giai đoạn 2021 – 2025, Trung tâm sẽ phấn đấu đạt được mục tiêu tự chủ theo lộ trình được giao (năm 2022-2025) là 10%, 15%, 20% và 25%.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện cải cách tài chính công, Sở Tài chính triển khai thực hiện quy chế dân chủ, công khai, minh bạch những quy định phải được công khai trong cơ quan, đơn vị.

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Sở Tài chính thường xuyên thực hiện công khai dự toán thu-chi ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm và công bố công khai bổ sung khi có bổ sung kinh phí ngân sách.

Thực hiện rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công của Sở Tài chính đúng theo quy định.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

Đến nay, Sở Tài chính có 13 thủ tục hành chính (TTHC) đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt tỷ lệ 100%.

Sở tiếp tục rà soát kiện toàn và đổi tên Tổ triển khai xây dựng Chính quyền điện tử thành Tổ chỉ đạo Chuyển đổi số dựa trên Thông báo số 534/TB-VPUBND ngày 013/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Trần Thắng tại phiên họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình Quý I năm 2022, đồng thời đang tham mưu ban hành Quy chế hoạt động của Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số.

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm ứng dụng CNTT vào trong công việc, tăng cường sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh trong việc trao đổi tài liệu, văn bản trong nội bộ cơ quan và với các cơ quan, đơn vị bên ngoài; sử dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, nghiêm túc triển khai phần mềm

“Theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao”.

Tiếp tục phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ về việc áp dụng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những ưu điểm**

Công tác CCHC của Sở tiếp tục được quan tâm. Lãnh đạo Sở thường xuyên theo dõi, chỉ đạo sâu sát các nội dung về CCHC; bám sát các nội dung, yêu cầu của Kế hoạch CCHC của tỉnh, của Sở. Cán bộ, công chức, viên chức đã nhận thức rõ hơn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác CCHC, coi CCHC là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, góp phần nâng cao tinh thần phục vụ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

#### **2. Những hạn chế trong thực hiện CCHC**

Việc sử dụng hòm thư công vụ trong cơ quan, đơn vị còn hạn chế, chưa đưa vào sử dụng rộng rãi.

Tỷ lệ TTHC đã xây dựng dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ còn thấp.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ III NĂM 2022**

1. Thực hiện đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở theo quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC”.

2. Cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại Sở theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

3. Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tích cực nâng cao tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Trang thông tin điện tử của Sở.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, rà soát hệ thống văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

*(Kèm theo các biểu mẫu).*

Sở Tài chính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT; VP.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Mạnh Cường**



**BIỂU MẪU 1****Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>8</b>
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC</b>	<b>%</b>	<b>57%</b>
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	28
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>		
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	
3.3.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	
<b>4.</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	
4.2.	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>		
5.1.	Số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	
5.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	<b>Có=1; Không=0</b>	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	
6.2.	Hình thức khảo sát		
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	<b>Không = 0 Có = 1</b>	

**BIỂU MẪU 2**  
**Cải cách thể chế**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>11</b>
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	11
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	4
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0

**BIỂU MẪU 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)</b>		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	43
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>24</i>
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>19</i>
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	17
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	13
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>517</i>
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>517</i>
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	

**BIỂU MẪU 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	<b>100%</b>
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	<b>01</b>
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	1
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	
<b>2.</b>	<b>Biên chế công chức</b>		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	51
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	48
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	11
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10%

**BIỂU MẪU 5****Cải cách chế độ công vụ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm công chức, viên chức</b>		
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		<b>0</b>
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)</b>		<b>0</b>
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>		<b>0</b>
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	

**BIỂU MẪU 6****Cải cách tài chính công***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	<b>1</b>
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<b>1</b>
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	

**BIỂU MẪU 7****Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành=1	0
<b>2.</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0
<b>3.</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100%
<b>4.</b>	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành=2	1
<b>5.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>		
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100%
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.5.	<i>Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>%</i>	<i>55%</i>
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>13</i>
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>13</i>
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1</i>
6.6.	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>%</i>	<i>100%</i>
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>13</i>
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>13</i>
6.7.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	<i>%</i>	<i>83%</i>
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>515</i>
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>427</i>
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	